

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ H
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 77/2025/HNGĐ -ST
Ngày: 28/5/2025
(V/v Tranh chấp ly hôn)

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ H - TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thạch Thị Ngọc Bích

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tâm và bà Cao Thị Lệ Pha

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Mộng Nghi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ H, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ H tham gia phiên tòa: Ông Trần Đăng Khoa - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 94/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2025 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

1/. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1991

Địa chỉ: ấp Bình Long, xã Bình Ninh, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

2/. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1979

Địa chỉ: ấp Phan Mầu, xã Định Thành A, huyện Đ H, tỉnh Bạc Liêu.

(Chị T và anh N có đơn xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 06/3/2025, lời khai trong quá trình tố tụng, chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Nguyễn Văn N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh chị chung sống với nhau vào năm 2010, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Ninh, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang và đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Nguyên nhân ly hôn theo chị T và anh N xác định: Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn cãi vã, khiến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, hiện nay vợ chồng sống ly thân một thời gian dài, không còn quan tâm nhau, cũng không tìm được biện pháp hàn gắn cuộc sống vợ chồng. Nay chị T và anh N xác định vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau nên chị T yêu cầu được ly hôn thì anh N cũng đồng ý.

Về con chung: Chị T và anh N xác định có 01 người con chung tên Nguyễn Thị Ngọc D, sinh ngày 19/4/2011, hiện nay đang sống chung với chị T. Khi ly hôn chị T và anh N thống nhất giao con chung cho chị T nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Chị T không yêu cầu.

Về tài sản chung: Chị T và anh N xác định anh chị tự thỏa thuận nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Chị T và anh N xác định anh chị không có nợ chung nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ H tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của nguyên đơn, bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Chị T và anh N kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nhưng do thời gian chung sống anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn không hàn gắn được. Chị T và anh N xác định vợ chồng không hàn gắn được và không thể tiếp tục chung sống với nhau nên thống nhất ly hôn, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận thuận tình ly hôn giữa chị T và anh N.

Về con chung: Chị T và anh N xác định anh chị có 01 người con chung tên Nguyễn Thị Ngọc D, sinh ngày 19/4/2011, hiện nay đang sống chung với chị T, khi ly hôn chị T và anh N thống nhất thỏa thuận giao cháu Dung cho chị T nuôi dưỡng nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về cấp dưỡng: Chị T và anh N không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung: Chị T và anh N xác định anh chị tự thỏa thuận nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Chị T và anh N xác định anh chị không có nợ chung nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình: Chị T tự nguyện nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và trên cơ sở phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Ngọc T có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về việc tranh chấp ly hôn với anh Nguyễn Văn N. Anh N có địa chỉ cư trú tại huyện Đ H. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải.

Chị T và anh N có đơn yêu cầu được vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm. Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án: Chị T và anh N chung sống với nhau vào năm 2010, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình N, huyện Chợ G, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị T và anh N, Hội đồng xét xử thấy rằng mục đích của hôn nhân là để tạo dựng một gia đình hạnh phúc, vợ chồng phải biết yêu thương, quý trọng, chăm sóc nhau, giúp đỡ nhau trong cuộc sống. Nhưng trong

thời gian chung sống chị T và anh N xảy ra mâu thuẫn, hiện nay anh chị không còn quan tâm nhau cũng không có biện pháp hàn gắn cuộc sống vợ chồng nên chị T yêu cầu ly hôn thì anh N cũng đồng ý. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình công nhận thuận tình ly hôn của anh chị.

Về con chung: Chị T và anh N thống nhất xác định anh chị có 01 người con chung tên Nguyễn Thị Ngọc D, sinh ngày 19/4/2011, hiện nay đang sống chung với chị T, khi ly hôn chị T và anh N thống nhất thỏa thuận giao cháu Dung cho chị T nuôi dưỡng, cháu Dung cũng có nguyện vọng được sống với chị T nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về cấp dưỡng: Chị T và anh N không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung: Về tài sản chung: Chị T và anh N xác định anh chị tự thỏa thuận nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Chị T và anh N xác định anh chị không có nợ chung nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Án phí hôn nhân gia đình: Chị T tự nguyện nộp thay cho anh N.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp, được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 3 Điều 11 Nghị quyết 01/2024/NQ – HĐTP ngày 16/5/2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1/. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Nguyễn Văn N.

2/. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thị Ngọc D, sinh ngày 19/4/2011 cho chị Nguyễn Thị Ngọc T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Anh Nguyễn Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền cản trở.

3/. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận

4/. Về nợ chung: Không có.

5/. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc T tự nguyện nộp 150.000 đồng, chị T đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng ngày 06 tháng 3 năm 2025 theo biên lai thu số 0006595 được chuyển thu án phí 150.000 đồng. Hoàn lại cho chị Nguyễn Thị Ngọc T số tiền 150.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ H.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Nguyễn Văn N được biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Đ H;
- Chi cục THADS huyện Đ H;
- UBND xã Bình N;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án;

Thạch Thị Ngọc Bích

